

KINH 1312. ĐA-LA-KIỀN-ĐÀ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đa-la-kiền-đà² dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Đoạn mấy, xả mấy pháp,
Tu mấy pháp tăng thượng,
Vượt qua mấy tích tụ³,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đoạn năm⁴, xả bỏ năm⁵,
Tu năm pháp tăng thượng⁶,
Vượt năm thứ tích tụ⁷,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng.*

Sau khi Thiên tử Đa-la-kiền-đà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

1. S. 1. 5. Katichinda; N⁰100(311).
2. Đa-la-kiền-đà 多羅健陀 .
3. Pāli: kati saṅgā tigo, vượt qua bao nhiêu sự kết buộc?
4. Số giải Pāli (A.1.24): Pañca chindeti chindanto pañca orambhāgiyaṣaṃyojānāni chindeyya, đoạn năm, là đoạn trừ năm hạ phần kết.
5. Số giải Pāli, nt: Pañca jaheti jahanto pañcuḍham bhāgiyaṣaṃyojānāni jaheyya, xả năm, là xả năm thuận thượng phần kết.
6. Số giải Pāli, nt: tu tậ năm căn, tín v.v...
7. Số giải Pāli, nt: Pañca saṅgātigoti rāgasaṅgo dosasaṅgo mohasaṅgo mānasaṅgo diṭṭhisaṅgo, năm kết phược: tham kết phược, sân, si, mạn và kiến kết phược.

KINH 1313. CA-MA (1)⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma⁹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Thật khó, bạch Thế Tôn! Thật khó, bạch Thiện thế!”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sở học là rất khó;
Giới, tam-muội đầy đủ;¹⁰
Sống viễn ly không nhà,
Vui nhàn cư tịch tĩnh.*

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tịch mặc thật khó được¹¹.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Được điều học khó được,
Giới, tam-muội đầy đủ;
Ngày đêm thường chuyên tinh,
Tu tập điều thích ý.*

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tâm chánh thọ khó được¹².”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trụ chánh thọ khó trụ
Cắt căn, tâm quyết định;
Cắt đứt lưới tử ma,
Bậc Thánh tùy ý tiến.*

8. S.2. 6. Kāmada; N^o100(312).

9. Ca-ma 迦摩. Pāli: Kāmado devaputto.

10. Pāli: dukkaram vāpi karonti sekkhā sīlasamāhitā, bậc hữu học mà y giới là làm điều khó làm.

11. Pāli: dullabhā bhagavā yadidaṃ tuṭṭhī ti, thật khó được, là sự tri túc. Bản Hán đọc là tuṇhī, sự im lặng (tịch mặc), thay vì tuṭṭhi, sự thoả mãn, tri túc.

12. Pāli: dussamādaḥaṃ bhagavā yadidaṃ cittan ti, tâm thật là khó định tĩnh.

Thiên tử Ca-ma lại bạch Phật:
“Bạch Thế Tôn, đường hiểm rất khó đi.”
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đường hiểm khó đi qua,
Thánh bình an vượt qua;
Phàm phu té ở đó,
Chân trên, đầu chúc xuống.
Hiển thánh thẳng đường đi,
Đường hiểm tự nhiên bình.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1314. CA-MA (2)¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma¹⁴ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Tham nhuế nhân những gì,
Không vui, lòng dưng đứng?
Sợ hãi từ đâu khởi?
Giác tưởng¹⁵ do đâu sanh;
Giống như Cưu-ma-la¹⁶,
Nương tựa vào vú mẹ?¹⁷*

¹³. Tham chiếu kinh 1324. S. 10. 3. Suciloma; N^o100(313).

¹⁴. Bản Pāli: kharo ca yakkho sūcilomo ca yakkho, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma (quỷ lông kim).

¹⁵. Giác tưởng 覺想. Pāli: manovitaṅka, sự suy tưởng tâm cấu của tâm.

¹⁶. Cưu-ma-la 鳩摩羅; Pāli: kumārakā, trẻ nhỏ. Bản Hán hiểu là tên người.

¹⁷. Pāli: kumārakā dhaṅkam ivossajanti, như trẻ nhỏ thả chim bồ câu. Trẻ nhỏ buộc chân chim lại, rồi mới thả bay đi. Chim bay lên, phút chốc rơi trở lại. Cũng vậy, ác tâm cấu buộc tâm khiến khởi lên (Sớ giải, SA. 1.303).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh, lớn từ thân,
Như cây Ni-câu-luật;¹⁸
Khắp nơi bị dính mắc,
Như rừng rậm chẳng chặt.¹⁹
Nếu biết nguyên nhân kia,
Tĩnh ngộ khiến khai giác;
Qua dòng biển sanh tử,
Không còn thọ thân sau.*

Sau khi Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ
đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

¹⁸. Pāli: snehajā attasambhūtā, nigrodhasseva khandhajā, sanh ra từ sự kết dính (= *tham ái*), khởi lên từ tự ngã, như cây nigrodha (*cây bàng*) sanh ra từ thân cây.

¹⁹. Pāli: puthū visattā kāmesu, māluvāva vitatā vane, phạm phu bị dính mắc trong các dục vọng, như dây leo bò lan khắp rừng.